

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 08/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28208151401	Nguyễn Thị Minh	Anh	13/05/2003	Nghệ An	31THT11	10.0	8.3	Đạt	
2	29204855550	Nguyễn Trần Văn	Anh	25/04/2005	Quảng Nam	31SHT4	6.7	3.5	Không Đạt	
3	28218101755	Lê Anh Quốc	Bảo	27/06/2004	Đà Nẵng	31CHT6	9.3	9.0	Đạt	
4	27211323969	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	05/02/2003	Đà Nẵng	30CBN11	7.3	6.0	Đạt	
5	28206934766	Lê Nguyễn Thị Hiền	Diệu	11/03/2004	Đà Nẵng	31THT11	6.3	5.0	Đạt	
6	28204350106	Lê Thị Huyền	Diệu	31/01/2004	Kiên Giang	31THT11	8.3	8.8	Đạt	
7	27211321595	Đặng Duy	Đức	26/04/2003	Đắk Lắk	31TYC6	7.0	5.3	Đạt	
8	27211301178	Phan Ngọc	Đức	26/03/2003	Hà Tĩnh	31THT11	10.0	7.8	Đạt	
9	27205252643	Võ Thị	Dương	18/10/2003	Quảng Nam	31CBN6	6.7	5.3	Đạt	
10	27202741574	Hoàng Lê Mỹ	Duyên	13/11/2003	Đà Nẵng	30CBN4	9.0	5.0	Đạt	
11	27212101491	Lê Nguyên Bảo	Duyên	31/08/2003	Quảng Nam	31TSC7	6.0	6.0	Đạt	
12	28202737268	Trần Nguyễn Thảo	Duyên	14/01/2004	Đà Nẵng	31THT11	8.3	6.5	Đạt	
13	29204950766	Trương Thị Lan	Duyên	09/09/2005	Quảng Nam	31THT8	9.0	2.3	Không Đạt	
14	28212324396	Võ Bình	Giang	13/08/2004	Đà Nẵng	31CBN6	8.3	6.3	Đạt	
15	29204640015	Đỗ Thị Hồng	Hà	30/09/2005	Gia Lai	31CSC4	6.3	6.5	Đạt	
16	27205239621	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	28/08/2003	Hà Tĩnh	31CBN6	9.0	9.5	Đạt	
17	28202706073	Hoàng Bích	Hải	04/03/2004	Đà Nẵng	31THT11	7.3	3.0	Không Đạt	
18	28204631933	Lê Bách Thy	Hảo	16/09/2004	Đà Nẵng	31CBN6	7.0	6.3	Đạt	
19	28204605162	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	01/02/2004	Quảng Nam	31CHT6	10.0	8.5	Đạt	
20	27211734039	Lê Trung	Hiếu	02/07/2003	Thanh Hóa	31CYC5	4.7	5.0	Không Đạt	
21	28214620671	Lê Trung	Hiếu	10/09/2004	Đà Nẵng	31CBN6	7.0	8.0	Đạt	
22	29214956914	Trần Ngọc	Hiếu	04/10/2005	Kon Tum	31CHT6	4.0	6.0	Không Đạt	
23	28204303386	Trịnh Thị Ngọc	Hiếu	30/04/2004	Đà Nẵng	31CBN6	8.0	7.5	Đạt	
24	25211604950	Hàn Sỹ	Hình	10/12/2001	Quảng Nam	31CBN6	4.0	6.5	Không Đạt	
25	27217539597	Nguyễn Phan Việt	Hoàng	06/10/2003	Hà Tĩnh	31THT11	6.7	8.0	Đạt	
26	28208400888	Hoàng Thị	Huệ	10/01/2004	Đắk Nông	31CHT6	5.7	5.0	Đạt	
27	28210202768	Nguyễn Quốc	Hưng	13/02/2004	Quảng Nam	31CBN6	7.3	5.5	Đạt	
28	28205124353	Trần Thị Lê	Hương	04/05/2004	Đà Nẵng	31THT11	3.3	5.0	Không Đạt	
29	27215239394	Nguyễn Quang	Huy	27/06/2003	Gia Lai	31CBN6	10.0	9.0	Đạt	
30	30206553886	Bùi Thị Lệ	Huyền	30/04/2006	Quảng Ngãi	31THT11	7.3	2.3	Không Đạt	
31	27202242179	Nguyễn Thị Thu	Huyền	01/08/2003	Quảng Bình	31CBN6	10.0	10.0	Đạt	
32	28206200201	Trần Khánh	Huyền	17/05/2004	Quảng Trị	31CHT6	6.3	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206254850	Trần Thị Khánh	Huyền	07/08/2003	Hà Tĩnh	30TSC13	8.0	2.5	Không Đạt	
34	28212306030	Đàm Hoàng Nguyên	Khánh	20/09/2004	Đà Nẵng	31THT11	6.7	5.5	Đạt	
35	28205001897	Phạm Việt An	Khánh	11/03/2004	Quảng Ngãi	31TBN9	6.7	5.0	Đạt	
36	28212727754	Lê Trung	Kiên	17/08/2004	Đà Nẵng	31CBN6	7.0	9.0	Đạt	
37	28210254116	Trần Ngọc	Lại	03/03/2004	Đắk Lắk	31CHT6	7.3	7.0	Đạt	
38	27215200062	Nguyễn Ngọc	Lâm	16/05/2003	Bình Định	31CBN6	10.0	8.5	Đạt	
39	28212754726	Thân Vĩnh Hoàng	Lâm	06/03/2004	Quảng Nam	31THT11	V	V	Không Đạt	
40	29206565322	Lê Thị	Lan	06/01/2005	Nghệ An	31TBN8	7.3	5.0	Đạt	
41	28213320509	Lê Như	Lập	01/01/2004	Đà Nẵng	31CHT6	6.7	7.5	Đạt	
42	26205435703	Lưu Tú	Linh	08/01/2002	Lâm Đồng	31TSC8	7.3	6.8	Đạt	
43	29204950854	Nguyễn Đặng Thùy	Linh	07/08/2005	Gia Lai	31CHT6	9.0	6.0	Đạt	
44	27205200520	Phan Thị Ánh	Linh	29/05/2003	Hồ Chí Minh	31CBN6	9.7	9.5	Đạt	
45	28208150083	Văn Thị Phương	Linh	22/08/2004	Thanh Hóa	31THT11	6.3	5.0	Đạt	
46	27205228686	Vương Thị Mỹ	Loan	18/05/2003	Bình Định	31CBN6	9.0	10.0	Đạt	
47	28212703499	Nguyễn Thành	Lợi	28/09/2004	Bình Định	31THT11	V	V	Không Đạt	
48	27203926355	Hoàng Quỳnh	Mai	20/07/2003	Quảng Bình	31TBN5	5.7	6.3	Đạt	
49	27202231345	Hoàng Thị Ngọc	Minh	04/06/2003	Quảng Bình	31CHT6	6.7	6.0	Đạt	
50	28208300036	Võ Thị	Mơ	04/04/2004	Quảng Nam	31THT11	8.3	7.5	Đạt	
51	27207236197	Lê Thị Nhật	Nam	03/11/2003	Thừa Thiên H	30CSC5	6.3	5.0	Đạt	
52	28212705391	Trần Hoài	Nam	30/04/2004	Nghệ An	31CBN6	4.0	5.0	Không Đạt	
53	30206525618	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	20/05/2006	Quảng Trị	31CHT6	5.7	5.5	Đạt	
54	27215142855	Nguyễn Hữu	Nghĩa	11/06/2003	Quảng Ngãi	31TBN9	5.7	5.5	Đạt	
55	27203124894	Bùi Thị Ánh	Ngọc	07/09/2003	Quảng Nam	31CSC2	9.3	5.5	Đạt	
56	29204622350	Lê Thị Ánh	Ngọc	03/11/2005	Quảng Ngãi	31CHT6	9.3	8.3	Đạt	
57	28208443312	Trương Thị Bảo	Ngọc	24/02/2004	Quảng Nam	31CHT6	9.0	7.0	Đạt	
58	28214339644	Đỗ Nhật	Nguyên	15/03/2002	Đà Nẵng	31CHT6	6.3	8.0	Đạt	
59	28206254209	Hồ Hoàng Khánh	Nguyên	12/10/2004	Đà Nẵng	31CHT6	8.7	5.0	Đạt	
60	29209521622	Trần Thị Thanh	Nhàn	17/07/2005	Quảng Nam	31THT11	10.0	7.5	Đạt	
61	30206521840	Phan Thị Băng	Nhạn	10/04/2005	Quảng Trị	31THT11	V	V	Không Đạt	
62	27218227933	Mai Văn	Nhật	16/01/2003	Quảng Nam	31SBN4	9.0	6.5	Đạt	
63	27202220765	Cái Yến	Nhi	16/02/2003	Quảng Nam	30THT17	8.0	6.5	Đạt	
64	28202738950	Dương Ngọc Bảo	Nhi	05/08/2004	Đà Nẵng	31THT11	8.3	5.0	Đạt	
65	30206553761	Lê Thị Uyển	Nhi	15/10/2006	Quảng Nam	31CHT6	6.0	4.3	Không Đạt	
66	28206501288	Ngô Võ Ngọc	Nhi	29/05/2004	Đắk Lắk	31TBN1	6.3	5.0	Đạt	
67	29208058057	Lê Thị Yến	Như	08/08/2005	Quảng Trị	31THT11	8.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	27205140354	Trần Nữ Quỳnh	Như	07/06/2003	Phú Yên	31TYC7	6.0	5.3	Đạt	
69	27207538566	Đặng Thị	Nhung	23/03/2002	Quảng Ngãi	30CSC6	8.3	5.3	Đạt	
70	28202704925	Nguyễn Thị	Nhung	20/10/2004	Thừa Thiên H	31CBN6	4.3	5.5	Không Đạt	
71	28208147568	Lê Thị Hồng	Phấn	15/11/2003	Phú Yên	31THT11	6.0	5.0	Đạt	
72	27212603091	Đinh Thục	Phuong	12/09/2003	Quảng Trị	31CYC3	8.3	5.8	Đạt	
73	28218130469	Đinh Gia	Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11	V	V	Không Đạt	
74	29214946038	Đoàn Nguyễn Văn	Quý	02/06/2005	Đắk Lắk	31CHT6	8.7	6.5	Đạt	
75	27207241193	Lê Thị Như	Quỳnh	27/03/2003	Quảng Bình	30CSC5	5.7	9.3	Đạt	
76	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/10/2004	Huế	31SHT6	1.0	5.5	Không Đạt	
77	27202543823	Phan Thị Thu	Sương	15/07/2003	Bình Định	31THT10	7.0	3.5	Không Đạt	
78	28212705574	Phạm Hoàng	Thân	17/08/2004	Quảng Ngãi	31CBN6	7.0	8.5	Đạt	
79	29214650949	Hoàng Đình	Thắng	12/02/2002	Quảng Trị	31THT11	V	V	Không Đạt	
80	28212700445	Trần Văn	Thắng	26/04/2004	Quảng Nam	31CHT6	5.0	6.5	Đạt	
81	29206764830	Huỳnh Thị Thanh	Thanh	08/03/2003	Quảng Nam	31THT8	10.0	6.0	Đạt	
82	27212253018	Nguyễn Lê Diệu	Thanh	02/05/2003	Đà Nẵng	31THT10	9.0	5.0	Đạt	
83	28212702928	Võ Đình	Thành	12/07/2004	Quảng Nam	31CBN6	5.7	5.0	Đạt	
84	29204543232	Nguyễn Phương	Thảo	04/12/2005	Đà Nẵng	31CHT6	8.3	6.5	Đạt	
85	29206558750	Phan Thị Phương	Thảo	14/01/2005	Quảng Nam	31SBN5	4.3	5.0	Không Đạt	
86	28214654145	Nguyễn Văn	Thống	10/01/2003	Nghệ An	31CBN6	7.3	9.8	Đạt	
87	30206554749	Trịnh Thị Thiên	Thu	02/12/2006	Kon Tum	31CHT6	7.7	5.0	Đạt	
88	28208303439	Nguyễn Minh	Thư	14/06/2004	Bình Định	31THT11	7.3	8.0	Đạt	
89	28204652989	Lê Nguyễn Hoài	Thương	01/04/2004	Quảng Nam	31THT8	6.7	5.0	Đạt	
90	29209424057	Nguyễn Thị Ngân	Thương	11/11/2005	Quảng Nam	31THT8	8.3	5.0	Đạt	
91	28208352857	Đinh Phan Thanh	Thúy	08/06/2004	Hồ Chí Minh	31THT11	9.7	8.3	Đạt	
92	28202702251	Trần Thị Hồng	Thúy	18/12/2003	Đắk Lắk	31THT11	8.3	4.0	Không Đạt	
93	28204842296	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	20/01/2003	Quảng Trị	31CHT6	8.3	8.0	Đạt	
94	27212246140	Phạm Thu	Thùy	15/05/2003	Gia Lai	31CBN2	5.3	6.0	Đạt	
95	28216234199	Nguyễn Thị Anh	Thy	05/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN4	8.0	5.8	Đạt	
96	28208321233	Bùi Thị Á	Tiên	04/02/2004	Đà Nẵng	31THT11	6.3	5.5	Đạt	
97	29203637302	Ngô Thị Kiều	Tiên	11/05/2005	Quảng Ngãi	31THT11	8.3	9.0	Đạt	
98	28214305684	Nguyễn Hoàng Tiên	Tiến	09/10/2004	Quảng Nam	31CHT6	6.3	8.0	Đạt	
99	29206542083	Đoàn Thị Ngọc	Trà	10/01/2005	Quảng Nam	31TBN7	9.0	5.5	Đạt	
100	28209404363	Ngô Thị Quế	Trâm	25/10/2004	Bình Định	31CBN6	9.3	7.0	Đạt	
101	28204953870	Phạm Hoài Bảo	Trâm	19/08/2004	Phú Yên	31CHT6	7.7	5.0	Đạt	
102	28204605659	Trần Lê Bội	Trân	18/11/2004	Huế	31CBN6	6.7	7.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	29206845415	Nguyễn Thị Trang	07/10/2005	Nghệ An	31TBN8	8.7	5.0	Đạt	
104	28206700165	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2004	Quảng Nam	31CHT6	6.3	6.0	Đạt	
105	28212735970	Đoàn Văn Tráng	20/08/2003	Buôn Ma Thu	31CBN6	5.3	5.5	Đạt	
106	27217038969	Đỗ Phan Phú Trị	23/09/2003	Quảng Nam	29CSC3	2.0	5.8	Không Đạt	
107	28212701526	Huỳnh Thế Trình	15/09/2003	Phú Yên	31THT11	7.7	6.0	Đạt	
108	26205300629	Nguyễn Thị Ánh Trúc	29/04/2000	Nam Định	31THT11	9.0	5.5	Đạt	
109	28211105572	Nguyễn Thế Trung	21/10/2004	Khánh Hòa	31CHT6	9.7	9.5	Đạt	
110	26203222725	Nguyễn Thị Thanh Tú	29/04/2002	Đắk Lắk	30THT11	V	5.3	Không Đạt	
111	28214651141	Trần Hồ Anh Tuấn	15/08/2004	Đắk Lắk	31CHT6	7.0	7.0	Đạt	
112	28212703876	Hoàng Văn Tùng	28/03/2004	Gia Lai	31CBN6	3.0	5.0	Không Đạt	
113	30206554821	Phan Thị Thanh Tuyền	12/12/2006	Đà Nẵng	31THT11	8.7	9.0	Đạt	
114	28208006879	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/09/2004	Đà Nẵng	31THT11	5.7	6.0	Đạt	
115	28208006094	Trần Thị Như Ý	19/12/2004	Qui Nhơn	31CHT6	10.0	8.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh